TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S, địa chỉ trụ sở chính: Số 266 – 268 đường N, Phường 8, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973 (Theo Giấy ủy quyền số 691/2022/UQ-TGĐ ngày 03/11/2022). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lư Hồng H, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 57 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2022 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/9/2019, bà Lư Hồng H có ký với ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.730.786 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.570.000 đồng rồi ngưng không thanh toán. Tính đến ngày 28/4/2023 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 14.399.257 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.467.760 đồng, tổng cộng là 33.867.017 đồng.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra yêu cầu bà H phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn là bà Lư Hồng H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 10, quận G, Thành phố H xác định bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 57 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố H, hiện nay bà H không còn thựa tế cư trú tại địa phương. Như vậy, bà H thay đổi nơi cư trú không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử xác định địa chỉ số 57 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố H là nơi cư trú cuối cùng của bà H và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận V theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/9/2019; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S có cơ sở để xác định giữa bà H và Ngân hàng có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cho bà H vay số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất và phí theo Biểu phí áp dụng chung cho các sản phẩn dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Việc xác lập giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và bà H là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 15/8/2016, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tối thiểu vào trước ngày đến hạn được ghi trong Thông báo giao dịch. Thực hiện hợp đồng bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng nợ gốc là 2.570.000 đồng rồi ngưng không thanh toán. Như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn", do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2023 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 14.399.257 đồng, nợ

lãi quá hạn là 19.467.760 đồng, tổng cộng là 33.867.017 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà H phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/4/2023 bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.693.351 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là 753.080 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012271 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lư Hồng H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28/4/2023 là 33.867.017 đồng, trong đó nợ gốc là 14.399.257 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.467.760 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/4/2023 bà Lư Hồng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lư Hồng H phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.693.351đ (Một triệu sáu trăm chín mươi ban ngàn ba trăm năm mươi mốt đồng) bà Lư Hồng H phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là 753.080đ (Bảy trăm năm mươi ba ngàn không trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0012271 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Huệ